

Số: **758** /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày **28** tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu Danh mục hàng hóa, Biểu thuế và phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các Nghị định quy định chi tiết thi hành các Luật nêu trên;

Căn cứ Luật hải quan số 29/2001/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ quy định về việc phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục thuế xuất nhập khẩu;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu Danh mục hàng hóa, Biểu thuế và phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/06/2011. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận: *V*

- Như Điều 2;
- TT Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để báo cáo);
- Website TCHQ;
- Lưu: VT, TXNK (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
HỌ TÊN TỔNG CỤC TRƯỞNG

Hoàng Việt Cường



Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2011

QUY CHẾ

THU THẬP, CẬP NHẬT, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DANH MỤC HÀNG HÓA, BIỂU THUẾ VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA, ÁP DỤNG MỨC THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 758/QĐ-TCHQ ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Tổng cục Hải quan)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa, Biểu thuế và phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là hệ thống thông tin phục vụ công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, bao gồm:

1.1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa, Biểu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Cơ sở dữ liệu DM, BT) là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan tập hợp từ Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt, Biểu thuế giá trị gia tăng để công bố trên Website của Tổng cục Hải quan.

1.2. Cơ sở dữ liệu về phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Cơ sở dữ liệu PL, MT) là hệ thống thông tin, bao gồm:

1.2.1. Loại thông tin chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan: là cơ sở dữ liệu được tập hợp từ hồ sơ hải quan, gồm các nguồn thông tin trên hồ sơ lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu do người khai hải quan khai báo hoặc do kết quả xử lý của cơ quan hải quan.

1.2.2. Loại thông tin công bố trên Website của Tổng cục Hải quan: là cơ sở dữ liệu được tập hợp từ:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hoá và áp dụng mức thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu; Danh mục hàng hoá quản lý chuyên ngành (bao gồm các Danh mục quản lý theo chính sách mặt hàng do cơ quan quản lý chuyên ngành) ban hành có ghi mã số hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam do Tổng cục Hải quan phối hợp xây dựng; Thông tin từ tài liệu của Tổ chức Hải quan Thế giới và Hải quan các nước.

b) Kết quả phân loại hàng hoá, áp dụng mức thuế đã được kiểm tra, xác minh độ tin cậy do cơ quan hải quan chọn lọc từ thông tin trên hồ sơ hàng hoá

xuất khẩu, nhập khẩu; Kết quả phân tích phân loại của Trung tâm phân tích phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan.

2. Cơ sở dữ liệu phải được thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác theo một hệ thống thống nhất, được lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan và cung cấp cho các đơn vị trong ngành Hải quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khai thác, sử dụng theo quy định tại quy chế này.

3. Thủ trưởng đơn vị nơi cập nhật dữ liệu quyết định việc chỉnh sửa, hiệu đính sai sót và chịu trách nhiệm về việc chỉnh sửa, hiệu đính đó.

4. Đối tượng thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu:

4.1. Đối tượng thu thập, cập nhật:

a) Đối với thông tin công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:

Công chức làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan.

b) Đối với thông tin chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:

- Công chức làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại Chi cục Hải quan, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu);

- Công chức làm công tác phân tích, phân loại tại Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu.

4.2. Đối tượng khai thác, sử dụng:

a) Đối với thông tin công bố trên Website của Tổng cục Hải quan: Công chức hải quan và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

b) Đối với thông tin chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:

- Công chức hải quan làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế, phân tích phân loại hàng hoá được thủ trưởng đơn vị phân công;

- Một số đối tượng khác thuộc các đơn vị có liên quan, được sự đồng ý của lãnh đạo Tổng cục Hải quan.

5. Các đơn vị được cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan phải phân quyền theo tên truy cập, mật khẩu riêng đến từng công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng công chức được giao theo sự phân công của Lãnh đạo đơn vị.

6. Việc trao đổi, cung cấp các thông tin trong cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan giữa các bộ phận trong đơn vị do Lãnh đạo đơn vị đó quyết định và phải tuân thủ các nguyên tắc về bảo mật và quản lý hệ thống. Nghiêm cấm việc cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan ra ngoài ngành Hải quan khi chưa được sự cho phép của Lãnh đạo đơn vị.

II. THU THẬP, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Nguồn thu thập thông tin, đơn vị cập nhật:

1.1. Đối với Cơ sở dữ liệu DM, BT:

a) Cơ sở thu thập: căn cứ vào Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, các Biểu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản này do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành có hiệu lực tại thời điểm thu thập thông tin.

b) Đơn vị cập nhật: Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan.

1.2. Đối với Cơ sở dữ liệu PL, MT:

1.2.1. Loại công bố trên Website của Tổng cục Hải quan

1.2.1.1. Cơ sở dữ liệu về văn bản liên quan đến phân loại hàng hoá, áp dụng mức thuế:

a) Cơ sở thu thập:

- Văn bản quy phạm pháp luật: Các Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định liên quan đến lĩnh vực phân loại hàng hoá và áp dụng mức thuế;

- Văn bản hướng dẫn: Các văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hoá, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;

- Thông tin từ tài liệu của tổ chức Hải quan thế giới và khu vực: Danh mục HS, Danh mục thuế quan hài hoà ASEAN (AHTN); Các Chú giải chi tiết HS (EN) và Chú giải bổ sung (SEN); Tuyển tập ý kiến về phân loại hàng hoá của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO);

- Quyết định phân loại trước;

- Kết quả phân tích, phân loại của Trung tâm phân tích, phân loại đã được kiểm tra xác minh độ tin cậy do cơ quan hải quan chọn lọc.

b) Đơn vị cập nhật: Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan.

1.2.1.2. Cơ sở dữ liệu về danh mục hàng hoá quản lý theo chuyên ngành:

a) Cơ sở thu thập:

Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hoá quản lý theo chuyên ngành được thu thập từ Danh mục quản lý theo chính sách mặt hàng do các Bộ, cơ quan quản lý ngành hàng ban hành có kèm mã số hàng hoá do Tổng cục Hải quan phối hợp xây dựng.

b) Đơn vị cập nhật: Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan.

1.2.2. Loại chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan

a) Cơ sở thu thập:



a.1) Thông tin khai báo trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trên hợp đồng ngoại thương, hoá đơn thương mại (Invoice), chứng từ thanh toán, giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các chứng từ, tài liệu khác có liên quan đến phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế do người khai hải quan khai báo, nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan;

a.2) Thông tin chi tiết về hàng hoá theo kết quả kiểm hoá và hình ảnh hàng hoá (nếu có); Kết quả kiểm tra, xác định mã số hàng hóa, mức thuế; Kết quả phúc tập hồ sơ hải quan; Kết quả điều chỉnh mã số hàng hóa, mức thuế do Chi cục Hải quan thực hiện;

a.3) Kết quả giải quyết khiếu nại của Chi cục Hải quan, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan (nếu có);

a.4) Kết quả kiểm tra sau thông quan, kết quả điều tra chống buôn lậu;

a.5) Kết quả kiểm tra, thanh tra liên quan đến phân loại hàng hoá và áp dụng mức thuế của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong và ngoài ngành.

b) Đơn vị cập nhật: Các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan. Cụ thể như sau:

b.1) Chi cục Hải quan: cập nhật các nguồn thông tin được nêu tại điểm a.1, a.2 và kết quả giải quyết khiếu nại của Chi cục Hải quan nêu tại điểm a.3;

b.2) Chi cục Kiểm tra sau thông quan: cập nhật các nguồn thông tin từ kết quả kiểm tra sau thông quan do Chi cục thực hiện nêu tại điểm a.4;

b.3) Cục Hải quan các tỉnh, thành phố: cập nhật các nguồn thông tin từ kết quả giải quyết khiếu nại, kết quả điều tra chống buôn lậu, kết quả kiểm tra, thanh tra do Cục Hải quan thực hiện nêu tại điểm a.3, a.4, a.5;

b.4) Tổng cục Hải quan:

- Cục Kiểm tra sau thông quan: cập nhật các nguồn thông tin từ kết quả kiểm tra sau thông quan nêu tại điểm a.4 do Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện;

- Cục Điều tra chống buôn lậu: cập nhật các nguồn thông tin từ kết quả điều tra chống buôn lậu nêu tại điểm a.4 do Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện;

- Cục Thuế xuất nhập khẩu: cập nhật các nguồn thông tin từ kết quả giải quyết khiếu nại, kết quả kiểm tra, kết quả thanh tra liên quan đến phân loại hàng hoá và áp dụng mức thuế nêu tại điểm a.3, a.5 do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong và ngoài ngành thực hiện.

1.3. Phương pháp cập nhật: Việc cập nhật các nguồn thông tin nêu tại mục này được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu DM, BT và PL, MT.

2. Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu:

2.1. Đối với loại dữ liệu công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:



a) Mục đích sử dụng: Là căn cứ phân loại hàng hóa và xác định mức thuế đối với một mặt hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu trên cơ sở mã số đã tìm được cho hàng hóa đó khi phân loại hàng hóa kết hợp với thông tin từ hồ sơ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất mã số, mức thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu; kiểm tra, xác định tính trung thực, chính xác của mã số hàng hóa và mức thuế khai báo, nộp thuế, ấn định thuế, giải quyết khiếu nại v.v...

b) Khai thác, sử dụng:

b.1) Phương pháp tra cứu: thực hiện theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu PL, MT.

b.2) Phương pháp kiểm tra:

Việc sử dụng cơ sở dữ liệu để hỗ trợ công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế phải tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, trình tự quy định tại Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/04/2010 của Bộ Tài chính. Quá trình kiểm tra được thực hiện như sau:

- So sánh tên hàng, thành phần, hàm lượng, tính chất, cấu tạo, đặc điểm, công dụng (sau đây gọi chung là đặc tính) của hàng hóa khai báo với các tên hàng, đặc tính hàng hóa của các mặt hàng giống hệt (có cùng tên hàng, đặc tính), hàng hóa tương tự (có cùng đặc tính) được mô tả trong Cơ sở dữ liệu (nếu có) để tìm mã số hàng hóa giống hệt, tương tự trong Cơ sở dữ liệu.

- Căn cứ trên các thông tin kiểm tra trên, xác định mã số hàng hóa, nêu rõ lập luận và cơ sở lựa chọn.

- Căn cứ mã số hàng hóa xác định được và xem xét thông tin từ hồ sơ hàng hóa khai báo (xem xét các chứng từ như Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O), tra cứu trong Cơ sở dữ liệu DM, BT để xác định mức thuế áp dụng cho hàng hóa đó.

- So sánh, đối chiếu mã số hàng hóa và mức thuế khai báo với mã số hàng hóa và mức thuế đã xác định trong Cơ sở dữ liệu để xác định mức độ trung thực, chính xác của thông tin khai báo.

Trường hợp không tìm được hàng hoá giống hệt hàng hoá cần phân loại (giống nhau về tên gọi, công dụng, đặc điểm, cấu tạo, tính chất mặt hàng... - Ví dụ: mặt hàng có tên gọi là xe ô tô 10 chỗ ngồi, tổng trọng lượng có tải tối đa không quá 6 tấn tại cơ sở dữ liệu PL, MT là nhóm 8702 và mặt hàng cần phân loại cũng có tên gọi là xe ô tô 10 chỗ ngồi nhưng không thể hiện có tải tối đa là bao nhiêu) để so sánh, kiểm tra mã số và mức thuế khai báo thì tiếp tục thực hiện phân loại hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/04/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế để xác định mã số và áp dụng mức thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2.2. Đối với loại dữ liệu PL, MT chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:

a) Mục đích sử dụng: Là nguồn tham khảo để lựa chọn các thông tin đưa vào cơ sở dữ liệu công bố trên Website của Tổng cục Hải quan.

b) Khai thác, sử dụng: thực hiện tra cứu theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu DM, BT và PL, MT.

III. QUẢN LÝ, LƯU TRỮ, BẢO MẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Cơ sở dữ liệu DM, BT:

1.1. Tổng cục Hải quan tổ chức thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về DM, BT từ file mềm Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam, các Biểu thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu do Vụ Chính sách thuế, Vụ Hợp tác quốc tế, Tổng cục Thuế cung cấp vào hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng quy định tại phần II Quy chế này, thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu này, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào hệ thống; tổ chức chuyển dữ liệu đã cập nhật kịp thời đúng thời gian quy định lên Website của Tổng cục Hải quan để các đơn vị hải quan và các đối tượng ngoài ngành Hải quan khai thác, sử dụng.

1.2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu DM, BT phải được lưu trữ thành một bản dự phòng ngay sau khi cập nhật.

1.3. Dữ liệu dự phòng phải được lưu trên thiết bị lưu trữ thống nhất, bảo mật và an toàn.

1.4. Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu tổ chức thu thập, cập nhật Cơ sở dữ liệu DM, BT.

1.5. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan tổ chức triển khai sao lưu dữ liệu dự phòng, lưu trữ cơ sở dữ liệu DM, BT đảm bảo thống nhất và an toàn, chuyển dữ liệu đã cập nhật kịp thời, đúng thời gian quy định lên Website của Tổng cục Hải quan.

2. Cơ sở dữ liệu PL, MT:

2.1. Quản lý Cơ sở dữ liệu:

2.1.1. Nhiệm vụ của các đơn vị ở các cấp:

a) Nhiệm vụ của Chi cục:

a.1) Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế vào hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Chi cục theo hướng dẫn tại phần II Quy chế này.

a.2) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu do đơn vị thu thập và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

a.3) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có tại Cơ sở dữ liệu trong phạm vi Chi cục.

a.4) Tổ chức phân quyền đến từng bộ phận nghiệp vụ, từng công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng cán bộ công chức đã được Lãnh đạo phân công.

a.5) Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định (thời gian truyền/nhận dữ liệu: trong ngày).

a.6) Đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống. Khắc phục các sự cố về vấn đề kỹ thuật, về máy móc thiết bị, đường truyền mạng, lỗi phần mềm... để duy trì sự hoạt động liên tục và có hiệu quả của hệ thống trong phạm vi toàn Chi cục. Trường hợp không khắc phục được sự cố thì trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố phải báo ngay về Cục Hải quan để xem xét, xử lý.

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu PL, MT trong phạm vi quản lý của Chi cục.

b) Nhiệm vụ của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố:

b.1) Tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế vào hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Cục theo hướng dẫn tại phần II Quy chế này.

b.2) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan trong phạm vi toàn Cục. Đối với những mặt hàng mới phát sinh, khi đưa vào cơ sở dữ liệu phải có báo cáo bằng văn bản gửi lên Tổng cục.

b.3) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu trong phạm vi toàn Cục.

b.4) Tổ chức phân quyền đến từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống.

b.5) Tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu PL, MT tại các Chi cục trực thuộc.

b.6) Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định (thời gian truyền/nhận dữ liệu: trong ngày).

b.7) Đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống. Khắc phục các sự cố về vấn đề kỹ thuật, về máy móc thiết bị, đường truyền mạng, lỗi phần mềm ... để duy trì sự hoạt động liên tục và có hiệu quả của hệ thống trong phạm vi toàn Cục. Trường hợp không khắc phục được sự cố thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố phải báo ngay về Tổng cục (Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Thuế xuất nhập khẩu) để xem xét, xử lý.

c) Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:

c.1) Trách nhiệm của Cục Thuế xuất nhập khẩu:

- Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế vào hệ thống cơ sở dữ liệu công bố trên Website của Tổng cục Hải quan theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền quy định tại phần II Quy chế này.

- Quản lý về nội dung toàn bộ hệ thống Cơ sở dữ liệu của toàn ngành Hải quan.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về dữ liệu kịp thời, chính xác để các đơn vị trong toàn ngành khai thác và sử dụng có hiệu quả.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thu thập, cập nhật, truyền/nhận thông tin dữ liệu phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế về trung tâm dữ liệu tại Tổng cục theo đúng thời gian quy định.

- Xử lý các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu trong toàn ngành.

c.2) Trách nhiệm của Trung tâm phân tích phân loại:

- Tổ chức cập nhật các thông tin về kết quả phân tích, phân loại hàng hóa vào hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của Trung tâm theo hướng dẫn tại phần II Quy chế này.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được Trung tâm cập nhật vào hệ thống.

- Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có trong phạm vi Trung tâm.

- Tổ chức phân quyền đến từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống.

- Tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu PL, MT tại các Chi nhánh của Trung tâm.

- Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định (thời gian truyền/nhận dữ liệu: trong ngày).

c.3) Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan:

- Đảm bảo các yêu cầu về trang thiết bị, máy móc trong suốt quá trình vận hành Cơ sở dữ liệu trong toàn ngành.

- Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động của hệ thống.

- Đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, bảo mật số liệu đối với hệ thống thông tin dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan.

- Thực hiện truyền/nhận dữ liệu theo đúng thời gian quy định (thời gian truyền/nhận dữ liệu: trong ngày).

Giám đốc Trung tâm phân tích phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và

Thống kê hải quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả việc thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo chức trách nhiệm vụ được giao.

2.1.2. Trách nhiệm của công chức hải quan khi cập nhật, khai thác, sử dụng:

a) Cán bộ, công chức hải quan khi khai thác, sử dụng các thông tin dữ liệu PL, MT trên hệ thống phải thực hiện theo đúng các văn bản pháp quy hiện hành hướng dẫn về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các dữ liệu được thu thập, cập nhật vào hệ thống đối với mảng dữ liệu được phân công.

c) Dữ liệu thông tin khi đưa vào hệ thống dữ liệu PL, MT phải được kiểm tra phù hợp với bộ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu hoặc chứng từ có liên quan theo đúng các quy định của pháp luật.

d) Tuyệt đối tuân thủ quy trình quản lý trên máy tính.

e) Chỉ được khai thác và sử dụng mảng dữ liệu trong hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website liên quan đến công việc chuyên môn theo sự phân công của lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm về tính bảo mật đối với mảng dữ liệu chưa công bố trên Website được phân công theo dõi quản lý.

g) Bảo mật mã thẩm quyền riêng trong quá trình cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website.

2.2. Bảo mật Cơ sở dữ liệu PL, MT chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan:

a) Cán bộ công chức thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống phải có mã số và quyền hạn riêng nhất định trong từng phân hệ chương trình.

b) Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu, Trung tâm phân tích phân loại, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Điều tra chống buôn lậu); Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Chi cục Hải quan có trách nhiệm bảo mật đối với các thông tin chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan được cung cấp, cập nhật, truy cập và truyền nhận.

c) Cơ quan hải quan phải phân rõ quyền hạn truy nhập vào hệ thống chương trình.

d) Dữ liệu cập nhật hàng ngày của các đơn vị hải quan cuối mỗi ngày hoặc mỗi buổi phải được lưu trữ thành một bản dự phòng. Bản dự phòng này có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị, hệ thống ...

e) Dữ liệu dự phòng phải đảm bảo được lưu trên thiết bị lưu trữ thống nhất, bảo mật và an toàn.

Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị trong việc phân quyền, sao lưu dữ liệu dự phòng và

lưu trữ Cơ sở dữ liệu chưa công bố trên Website của Tổng cục Hải quan đảm bảo thống nhất, bảo mật và an toàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Giám đốc Trung tâm phân tích phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu căn cứ nhiệm vụ và tình hình thực tế tại đơn vị mình để thực hiện:

1.1. Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể về việc phân cấp cho cán bộ, công chức trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống dựa trên những quy định của Quy chế này.

1.2. Chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ có liên quan chia sẻ, cung cấp các thông tin có liên quan đến công tác kiểm tra, xác định mã số, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như: thông tin về tờ khai trên chương trình số liệu xuất nhập khẩu, thông tin về doanh nghiệp trên hệ thống quản lý rủi ro, thông tin vi phạm trên hệ thống xử lý vi phạm, thông tin về kiểm tra sau thông quan, v.v... để nâng cao hiệu quả công tác khai thác thông tin trong toàn ngành.

Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch thông tin về mã số, mức thuế, tự ý sửa chữa phần mềm Cơ sở dữ liệu hoặc khai thác thông tin về mã số, mức thuế vào các mục đích ngoài quy định của Quy chế này.

2. Đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của ngành và của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn hoặc điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.